

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (viết tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 42-NQ/TW, nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của chính sách xã hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

2- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 42-NQ/TW đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh và từng địa phương, đơn vị; phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 42-NQ/TW.

3- Việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW phải nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II- MỤC TIÊU

1- Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế, chính sách xã hội của tỉnh theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân trong tỉnh; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế

gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2- Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 2,1%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 45%; 60% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội và 45% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo; 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời.

- 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6; 70% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10; 30% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng học nghề; trên 60% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào các trường đại học.

- Tổng tỷ suất sinh đạt 2,16 con/một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75,5 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; 35 giường bệnh viện, 19 bác sĩ, 4 dược sĩ, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; trên 96% dân số tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; 100% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 99%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

- Hoàn thành mục tiêu của tỉnh về phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; xoá bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 31,7m² sàn/người, trong đó khu vực thành thị, đô thị hoá đạt 34,0m² sàn/người; khu vực nông thôn đạt 28,9m² sàn/người. 100% hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; trên 75% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, trên 70% nước thải sinh hoạt được xử lý.

3- Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội của Trung ương và của tỉnh, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Hưng Yên giàu đẹp văn minh, phồn vinh, hạnh phúc.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý và Nhân dân, nhất là người đứng đầu. Khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững; dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể. Tiếp tục phát huy giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc và của quê hương Hưng Yên, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, đồng thời tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

2- Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách xã hội của Trung ương; xây dựng và thực hiện tốt cơ chế, chính sách xã hội của tỉnh bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tiễn. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước về chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng và phát huy vai trò giám sát của Nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến việc thực hiện chính sách xã hội.

- Hiện đại hoá công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

- Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý các nguồn lực xã hội; tăng cường xã hội hoá, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội.

3- Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Chú trọng thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công, nhất là người gặp khó khăn trong cuộc sống. Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khoẻ, nhà ở, giáo dục - đào tạo, việc làm, sản xuất và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân người có công được tiếp cận các dịch vụ xã hội. Các chế độ, chính sách của tỉnh đối với người có công phải ở mức cao nhất trong các chính sách xã hội. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Chú trọng làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết dứt điểm các đơn thư, kiến nghị trong thực hiện các chế độ, chính sách ưu đãi người có công; phối hợp tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; quan tâm xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”.

4- Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển dân số của tỉnh theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỉ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế hợp lý. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng; triển khai các chính sách thích ứng với quá trình già hoá dân số; đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá, đa dạng hoá phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển, đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục của tỉnh; đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập khu vực và quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động của tỉnh và tạo cơ hội học tập suốt đời. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động của tỉnh và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hình thành đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và tỉnh Hưng Yên nhanh, bền vững, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản trị công nghệ, quản trị doanh nghiệp. Đổi mới chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài phục vụ cho đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ.

- Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường thực hiện chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động. Vận hành sản giao dịch việc làm của tỉnh một cách công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Phổ biến, hướng dẫn tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội. Hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh.

- Tạo việc làm cho người lao động gắn với mục tiêu phát triển bền vững; tăng cường giải quyết việc làm tại chỗ cho người nông dân và các thành phần kinh tế. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hoá dân số. Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động mất việc làm, thiếu việc làm.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 12/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

5- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội, người dân và giữa các nhóm dân cư, bảo đảm bền vững và công bằng xã hội. Chú trọng phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động; tiếp tục cải cách, mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Có chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khoẻ nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp; nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

- Triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội đảm bảo công khai, minh bạch, đúng, đủ, kịp thời. Phần đầu đạt được sự đồng thuận, mức độ hài lòng ngày càng cao của người dân. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh về trợ giúp xã hội, ưu tiên hỗ trợ người nghèo, người khuyết tật, đối tượng yếu thế gắn với thực hiện mục tiêu không còn người nghèo trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch, phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội của toàn quốc; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội nhằm đáp ứng điều kiện trợ giúp toàn diện cho đối tượng yếu thế, đặc biệt là trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; tăng cường huy động các nguồn lực cho công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, trong đó tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội đảm bảo đáp ứng nhu cầu vay vốn hợp pháp của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 41-NQ/TU ngày 21/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác

giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Kết luận số 704-KL/TU ngày 18/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

6- Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

- *Về giáo dục:* Rà soát, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, ưu tiên bố trí quỹ đất cho các cơ sở giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh, sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập gắn liền với sắp xếp lại đội ngũ giáo viên. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước gắn với huy động các nguồn lực xã hội để tăng cường đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng đầy đủ nhu cầu dạy, học. Ưu tiên phát triển lực lượng giáo viên cả về số lượng, cơ cấu, năng lực, trình độ và chất lượng theo từng môn học, cấp học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện và phát triển ngành giáo dục, đào tạo hiện đại. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Phát huy tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, phát triển năng lực toàn diện cho học sinh. Tăng cường giáo dục hoà nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hoá góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo.

- *Về y tế:* Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hội nhập, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khoẻ cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khoẻ tâm thần, chăm sóc sức khoẻ phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khoẻ định kỳ cho Nhân dân; quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em; nâng cao tầm vóc, thể lực cho Nhân dân; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khoẻ điện tử, bảo hiểm y tế.

- *Về phát triển văn hoá:* Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, di sản văn hoá dân tộc và truyền thống văn hoá con người Hưng Yên. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa các địa bàn, đối tượng; ưu tiên những địa bàn khó khăn, nơi tập trung đông người lao động, đối tượng yếu thế... Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của người dân Hưng Yên. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày

08/10/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- *Về thông tin:* Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- *Về nhà ở:* Nêu cao vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị trong việc thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân, người lao động trong và ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Kết luận số 729-KL/TU ngày 25/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU; bảo đảm cho người dân có chỗ ở phù hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh và thu nhập của người dân. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà lưu trú, ký túc xá cho công nhân, người lao động, sinh viên. Có chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội cho một số đối tượng khó khăn; chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ cho hộ nghèo cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

- *Về nước sạch, vệ sinh môi trường:* Bảo đảm nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện chính sách cung cấp nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác theo quy định; bảo đảm an ninh nguồn nước. Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; có giải pháp giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kết luận số 227-KL/TU ngày 28/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án nâng cao hiệu quả hệ thống công trình thủy lợi và cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

7- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Phát triển các dịch vụ xã hội trên địa bàn tỉnh đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân lao động, người có thu nhập thấp, người có hoàn cảnh khó khăn. Phát triển đội ngũ nhân viên công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa. Nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp đối tượng yếu thế tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hợp tác công - tư, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hoá, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8- Hội nhập quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh, nguồn nhân lực chất lượng cao. Phổ biến và thực hiện các cam kết, điều ước quốc tế về việc làm và an sinh xã hội phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, của doanh nghiệp. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, tiêu chuẩn nghề nghiệp tương thích và cạnh tranh quốc tế. Khai thác có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và các điều ước quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên cho thực hiện chính sách xã hội.

9- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

- Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện chính sách xã hội.

- Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách, pháp luật về chính sách xã hội, trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, địa phương.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh, các tổ chức hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội

viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Đảng đoàn, Ban cán sự đảng, các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động (kế hoạch) thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Kế hoạch này đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn ở địa phương, đơn vị; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

2- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách của tỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh và theo đúng quy định của pháp luật.

3- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 42-NQ/TW và Kế hoạch này; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này tại các địa phương, đơn vị.

4- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kế hoạch này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Nơi nhận:

- Các ban đảng, Ban cán sự đảng, Đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, ĐUTTTU,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- LĐVPTU, TKBTTU,
- P.KT-XH^{Hương},
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Trần Quốc Toán